

BỘ GIAO THÔNG VẬN
TÀI

Số: 23/2005/QĐ-BGTVT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước
thuộc Bộ Giao thông vận tải**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 04 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Thông tư số 12/2002/TT-BCA(A11) ngày 13 tháng 09 năm 2002 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy chế bảo vệ bí mật nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng các Cục thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc Bộ và cơ quan,

tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

QUY CHẾ

Bảo vệ bí mật nhà nước thuộc Bộ giao thông vận tải

(Ban hành kèm theo Quyết định số 23/2005/QĐ-BGTVT ngày 30/03/2005

của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định về bảo vệ bí mật nhà nước trong việc tiếp nhận, xử lý, soạn thảo, phát hành, in, sao, chụp, lưu trữ, sử dụng bí mật nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải.

2. Bí mật nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải bao gồm:

a) Tài liệu, vật mang bí mật nhà nước thuộc độ Mật, Tối mật, Tuyệt mật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Giao thông vận tải;

b) Tin, tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Giao thông vận tải quy định tại Quyết định số 1485/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 20 tháng 12 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc Bộ Giao thông vận tải và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Tổ chức bảo vệ bí mật nhà nước

1. Việc bảo vệ bí mật nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải thực hiện theo quy định của Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000, Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 03 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật nhà nước, Thông tư số 12/2002/TT-BCA(A11) ngày 13 tháng 09 năm 2002 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Nghị định số 33/2002/NĐ-

CP ngày 28 tháng 03 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này.

2. Phòng Hành chính - lưu trữ thuộc Văn phòng Bộ, Văn phòng hoặc Phòng Hành chính thuộc các Cục, cơ quan, tổ chức trực thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi chung là Phòng Hành chính) chịu trách nhiệm tiếp nhận, xử lý, lưu trữ, quản lý tài liệu, vật mang bí mật nhà nước; quản lý con dấu "Mật", "Tối mật", "Tuyệt mật", "Tài liệu thu hồi", "Chỉ người có tên mới được bóc bì".

Các con dấu được làm theo quy định tại khoản c, mục 2 Thông tư số 12/2002/TT-BCA(A11) ngày 13 tháng 09 năm 2002 của Bộ Công an.

3. Cán bộ làm công tác liên quan trực tiếp đến bí mật nhà nước (người làm công tác cơ yếu, giao liên, người được giao nhiệm vụ bảo quản, lưu giữ bí mật nhà nước) phải có phẩm chất tốt, có tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức cảnh giác giữ gìn bí mật nhà nước; có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và năng lực hoàn thành nhiệm vụ được giao và phải cam kết bảo vệ bí mật nhà nước bằng văn bản; văn bản cam kết nộp lưu giữ tại bộ phận bảo mật của Phòng Hành chính.

4. Những người được giao làm các công việc liên quan đến bí mật nhà nước dưới mọi hình thức phải thực hiện nghiêm túc các quy định tại Quy chế này và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung, giải mật, thay đổi độ mật danh mục bí mật nhà nước trong ngành Giao thông vận tải

1. Trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, nếu phát sinh tin trong ngành Giao thông vận tải cần bảo mật nhưng chưa có trong danh mục bí mật nhà nước đã được Bộ trưởng Bộ Công an ban hành tại Quyết định số 1485/2004/QĐ-BCA(A11) ngày 20 tháng 12 năm 2004 hoặc cần thay đổi độ mật, giải mật, cá nhân có liên quan phải báo cáo Thủ trưởng cơ quan, tổ chức mình để báo cáo Bộ trưởng.

2. Vào tháng 01 hàng năm, Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo của các cơ quan, tổ chức, cá nhân về việc thay đổi độ mật, giải mật hoặc những nội dung mới cần được bảo mật, đề xuất với Bộ trưởng thành lập Hội đồng (gồm Chánh Văn phòng Bộ làm Chủ tịch Hội đồng; đại diện các Vụ, Cục có liên quan làm thành viên

và một số thành viên khác do Chủ tịch Hội đồng quyết định) để đề xuất sửa đổi, bổ sung, giải mật, thay đổi độ mật danh mục bí mật nhà nước trong ngành Giao thông vận tải trình Bộ trưởng.

Chậm nhất tháng 03 hàng năm, trên cơ sở đề xuất của Hội đồng, Bộ trưởng đề nghị Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, giải mật danh mục bí mật nhà nước độ Mật trong ngành Giao thông vận tải. Nếu phát sinh tin thuộc bí mật nhà nước của ngành Giao thông vận tải cần bảo mật ở độ Tuyệt mật, Tối mật thì Hội đồng giúp Bộ trưởng lập danh mục bí mật nhà nước thuộc độ Tuyệt mật, Tối mật trình Thủ tướng Chính phủ sau khi Bộ Công an đã thẩm định.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ BẢO VỆ BÍ MẬT NHÀ NƯỚC

THUỘC BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Điều 5. Xác định và đóng dấu độ mật đối với tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Khi soạn thảo văn bản có nội dung thuộc danh mục bí mật nhà nước trong ngành Giao thông vận tải, người soạn thảo văn bản phải đề xuất văn bản là tài liệu "Mật", người duyệt ký văn bản quyết định đóng dấu "Mật" và xác định phạm vi lưu hành tài liệu, số lượng bản cần in.

2. Khi tổ chức lấy ý kiến tham gia dự thảo văn bản có nội dung bí mật nhà nước, cơ quan chủ trì soạn thảo phải xác định cụ thể phạm vi, đối tượng (các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan) cần xin ý kiến, phải đóng dấu "Mật" vào dự thảo trước khi gửi xin ý kiến. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nhận được dự thảo văn bản phải thực hiện việc quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước và Quy chế này.

3. Dấu độ mật thích hợp phải được đóng vào trang đầu phía trên bên trái của văn bản chứa tin thuộc bí mật nhà nước.

4. Đối với vật mang bí mật nhà nước phải có văn bản kèm theo ghi rõ tên của vật mang bí mật nhà nước đó và đóng dấu độ mật vào văn bản này.

Điều 6. In, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Việc in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước phải thực hiện theo các quy định sau đây:

a) Phải tiến hành ở nơi đảm bảo bí mật, an toàn và do Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Văn phòng Cục hoặc Thủ trưởng cơ quan, tổ chức khác trực thuộc Bộ trực tiếp quản lý tài liệu mật, vật mang bí mật nhà nước (sau đây gọi chung là Chánh Văn phòng) quy định.

Việc in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước chỉ được thực hiện khi được phép của Chánh Văn phòng.

b) Chánh Văn phòng quyết định việc in, sao, chụp tài liệu, vật mang bí mật nhà nước, số lượng được in, sao, chụp. Tài liệu, vật in, sao, chụp phải được bảo mật như tài liệu, vật gốc.

Người có trách nhiệm thực hiện việc in, sao, chụp chỉ được in, sao, chụp đúng số bản đã được quy định và phải hủy ngay những bản dư thừa, bản in, sao, chụp hỏng.

c) Đánh máy, in, sao, chụp tin, tài liệu bí mật nhà nước xong phải đóng dấu độ mật, dấu thu hồi (nếu cần), vào Sổ theo dõi số trang, số bản, số lượng in, phạm vi lưu hành, nơi nhận, tên người đánh máy, in, soát, sao, chụp tài liệu.

d) Không sử dụng máy tính nối mạng Internet để đánh máy, in, sao, lưu tài liệu mật.

2. Bí mật nhà nước sao, chụp ở dạng băng, đĩa phải được niêm phong và đóng dấu độ mật ghi rõ tên người sao, chụp ở bì niêm phong.

3. Những văn bản, tài liệu thuộc các loại "Tuyệt mật", "Tối mật" nếu có yêu cầu sao, chụp hoặc chuyển sang dạng mang tin khác phải được Thủ trưởng cơ quan, đơn vị nơi ban hành tài liệu gốc đồng ý bằng văn bản và ghi rõ số lượng được phép sao, chụp hoặc chuyển dạng mang tin.

Điều 7. Vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước

1. Tài liệu, vật mang bí mật nhà nước khi vận chuyển, giao nhận phải đảm bảo an toàn tuyệt đối theo quy định sau:

a) Việc vận chuyển, giao nhận tài liệu, vật mang bí mật nhà nước ở trong nước do cán bộ làm công tác bảo mật hoặc cán bộ liên lạc riêng của cơ quan, tổ chức thực